

Công ty Cổ phần Than Miền Trung - VINACOMIN

Báo cáo thường niên năm 2013

Ngày đăng: 24.03.2014

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MIỀN TRUNG - VINACOMIN

775 Nguyễn Hữu Thọ, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng

Tel: 0511. 3797789

Fax: 0511. 3697790 Website: www.thanmientrung.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2013

I. THÔNG TIN CHUNG.

1-Thông tin khái quát

Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MIỀN TRUNG - VINACOMIN**

Tên tiếng Anh : VINACOMIN-CENTRAL ZONE COAL JOINT STOCK COMPANY

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 0400458027

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 26.679.000.000 đồng

Mã chứng khoán : CZC

Trụ sở chính : 775 Nguyễn Hữu Thọ, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại : 0511. 3797789

Fax : 0511. 3697790

Website : www.thanmientrung.vn Email : congythanmientrung@gmail.com
ctythanmientrung@gmail.com

2. Quá trình hình thành và phát triển.

a) Quá trình hình thành và phát triển.

Công ty cổ phần Than Miền Trung - VINACOMIN có tiền thân là Công ty Than Miền Trung.

Công ty Than Miền Trung được thành lập năm 1976 trực thuộc Tổng Công ty cung ứng than Việt Nam, làm nhiệm vụ cung ứng than theo kế hoạch của Nhà nước cho nhu cầu sản xuất và đời sống tại khu vực miền Trung, Tây Nguyên.

Trong quá trình phát triển, Công ty đã nhiều lần sắp xếp lại tổ chức và đổi tên. Đến năm 1995, khi Chính Phủ tổ chức lại

ngành Than, thì các công ty đã tách ra trước đây cùng sát nhập lại thành tên mới là Công ty Chế biến và Kinh doanh Than Miền Trung trực thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam. Năm 1997, Công ty đổi tên thành Công ty Than Miền Trung.

Thực hiện chính sách của Nhà nước về cổ phần hoá doanh nghiệp và Quyết định số 222/2003/QĐ-BCN ngày 17/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, ngày 26/12/2003, các cổ đông sáng lập đã tiến hành Đại hội cổ đông, thành lập CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MIỀN TRUNG. Năm 2007, Công ty mang tên thành CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MIỀN TRUNG - TKV. Năm 2011, Công ty đổi tên thành CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MIỀN TRUNG - VINACOMIN.

Thời điểm niêm yết/Đăng ký giao dịch: ngay 05 tháng 4 năm 2011.

b) Công ty là công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, do Tập đoàn chi phối thông qua tỷ lệ nắm giữ cổ phần chi phối tại Công ty và thương hiệu của Tập đoàn.

3. Ngành nghề kinh doanh.

a) Ngành nghề kinh doanh (chiếm trên 10% doanh thu trong hai năm gần nhất)

Chế biến, kinh doanh than;

b) Địa bàn kinh doanh:

Công ty cổ phần Than Miền Trung - VINACOMIN do tình hình suy thoái kinh tế, thị trường tiêu thụ giảm và thiếu ổn định hơn trước, tổng giá trị sản phẩm được mua từ các đơn vị trong Tập đoàn Than- Khoáng sản Việt Nam và 100% tổng giá trị sản phẩm tiêu thụ tại địa bàn các tỉnh miền Trung-Tây Nguyên. Công ty đã đầu tư xây dựng và phát triển 6 Xí nghiệp, Chi nhánh trải dài khắp các tỉnh thành khu vực miền Trung. Công ty cũng thành lập các Trạm, các Cửa hàng thuộc các Xí nghiệp để thực hiện nhiệm vụ nhập hàng, chế biến và trực tiếp tiêu thụ theo kế hoạch.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh, bộ máy quản lý.

Đại hội đồng cổ đông

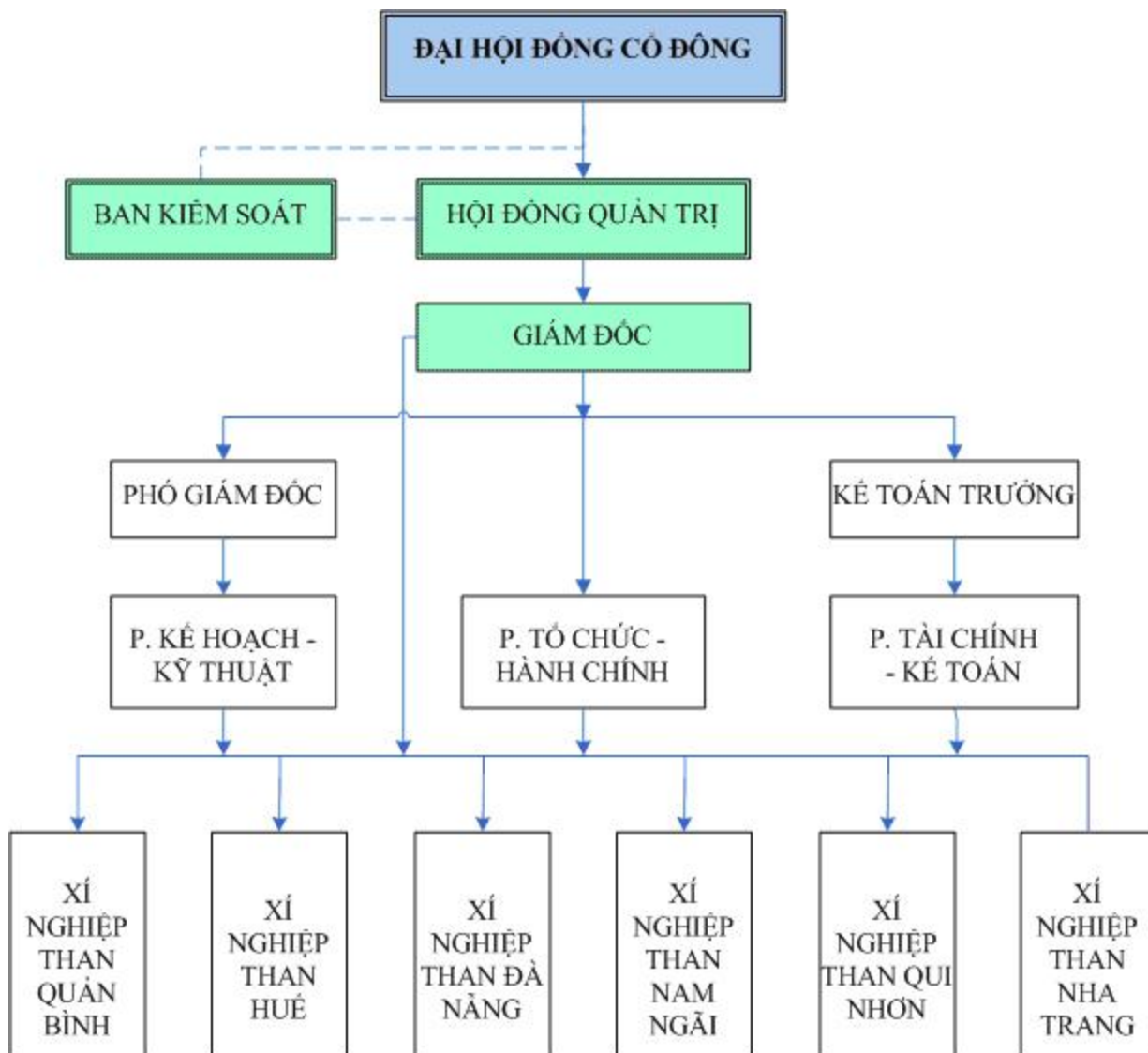
Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty Cổ phần. ĐHĐCĐ họp thường niên hoặc bất thường, tổ chức ít nhất mỗi năm một lần, quyết định chiến lược phát triển của Công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, thông qua nghị quyết các vấn đề như bổ sung và sửa đổi Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần phát hành, mức cổ tức chi trả cho cổ đông hàng năm, thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát,... Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề quan trọng liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng quản

trị có quyền và nghĩa vụ giám sát Giám đốc và những người quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định, cụ thể có quyền quyết định, chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm, xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở Đại hội đồng cổ đông thông qua, đề xuất mức chi trả cổ tức hàng năm. Hội đồng quản trị có quyền bổ nhiệm và bãi nhiệm Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

Sơ đồ tổ chức Công ty cổ phần Than Miền Trung - VINACOMIN:



Ban Kiểm soát

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát các báo cáo tài chính hàng năm, 6 tháng, hàng quý, các vấn đề kiểm toán và các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty, bảo vệ quyền lợi cổ đông theo luật pháp và Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.

Ban giám đốc

Điều hành toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và pháp luật về kết quả hoạt động của mình. Xác định cơ cấu tổ chức, trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị trực thuộc, các cấp quản lý trong Công ty. Xây dựng kế hoạch sản xuất dài hạn và hàng năm, các phương án kinh doanh, các dự án đầu tư mới, các phương án liên doanh, liên kết trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Phòng Tổ chức - Hành chính

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị, ban giám đốc về các lĩnh vực: Tổ chức cán bộ, lao động tiền lương, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, thanh tra, kiểm tra và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, công tác pháp chế, quản trị hành chính, thi đua khen thưởng, kỷ luật.
- Xây dựng quy hoạch cán bộ, tổ chức thực hiện kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng thi tay nghề nâng bậc.

- Xây dựng kế hoạch lao động, tiền lương hàng năm, thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định của Nhà nước. Tổ chức quản lý tốt lực lượng lao động toàn Công ty.
- Phối hợp với Công đoàn phát động phong trào thi đua, tổng kết khen thưởng kịp thời, chính xác, tham mưu xử lý các vụ việc vi phạm kỷ luật theo quy định hiện hành
- Thực hiện công tác văn thư lưu trữ đúng quy định, quản lý tốt kho lưu trữ tài liệu.
- Hàng năm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch chi phí hành chính của văn phòng Công ty, xây dựng văn hoá trong doanh nghiệp, trong hội họp, tiếp khách.

Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị, ban giám đốc về các lĩnh vực: Công tác kế hoạch, công tác thu mua, vận tải, phân phối hàng hoá; công tác chế biến, tiêu thụ than; công tác đầu tư, xây dựng cơ bản; công tác an toàn, môi trường; công tác thống kê.
- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng kỳ, hàng năm.
- Nghiên cứu, xây dựng các dự án đầu tư, phát triển; nghiên cứu, quản lý, sử dụng có hiệu quả tối đa nguồn lực cơ sở vật chất trang thiết bị hiện có của Công ty.
- Xây dựng các định mức kinh tế, kỹ thuật, định mức tiêu hao nguyên vật liệu, định mức sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, dự trữ nguyên nhiên vật liệu.

Phòng Tài chính - Kế toán

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị, ban giám đốc trong lĩnh vực kế toán và tài chính. Thực hiện các chế độ về kế toán, tài chính doanh nghiệp theo pháp luật quy định.
- Theo dõi ghi chép, thống kê, cập nhật hoá đơn, chứng từ để hạch toán kế toán.
- Định kỳ tổng hợp và phân tích tình hình hoạt động kinh tế của Công ty báo cáo Hội đồng quản trị, ban giám đốc.
- Theo dõi, phản ánh chính xác, kịp thời, liên tục có hệ thống tình hình tiền vốn, chi phí sản xuất, kết quả lỗ lãi, các khoản thanh toán, nộp ngân sách.
- Thông qua kết quả thực hiện kế hoạch tài chính hàng năm, xây dựng kế hoạch tài chính, vốn, phí,... đảm bảo sử dụng vốn hợp lý, tiết kiệm nhằm tăng lãi.
- Tiến hành tự kiểm tra định kỳ công tác Tài chính - Kế toán ở các đơn vị trực thuộc.

Các xí nghiệp than trực thuộc

Công ty cổ phần Than Miền Trung có 6 đơn vị trực thuộc. Các đơn vị có tư cách pháp nhân không đầy đủ, hạch toán phụ thuộc và hoạt động theo phân cấp ủy quyền. Bao gồm:

- Xí nghiệp than Quảng Bình

Địa chỉ: 40 Lê Quý Đôn, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Điện thoại: 052. 3840 944 Fax: 052. 3828 062

- Xí nghiệp than Huế

Địa chỉ: TT Thuận An, Huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên - Huế

Điện thoại: 054. 3866 034 Fax: 054. 3956 114

- *Xí nghiệp than Đà Nẵng*

Địa chỉ: Phường Hoà Hải, quận Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng

Điện thoại: 0511. 3968 883 Fax: 0511. 3969 388

- *Xí nghiệp than Nam Ngãi*

Địa chỉ: Xã Điện Thắng Nam, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

Điện thoại: 0510. 3869 603 Fax: 0510. 3769 113

- *Xí nghiệp than Quy Nhơn*

Địa chỉ: Thôn Phú Mỹ 1, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056.3832 097 Fax: 056. 3832 089

- *Xí nghiệp than Nha Trang*

Địa chỉ: 119. Lý Nam Đế, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà

Điện thoại: 058. 3881 058 Fax: 058. 3882 418

Công ty cũng thành lập các trạm, các cửa hàng thuộc các xí nghiệp để thực hiện nhiệm vụ nhập hàng, chế biến và trực tiếp tiêu thụ theo kế hoạch của các xí nghiệp.

Nhiệm vụ của các Xí nghiệp:

- Thực hiện nhiệm vụ thu mua, chế biến và bán than cho các đơn vị sản xuất công nghiệp có nhu cầu nhiên liệu than, phục vụ nhu cầu chất đốt sinh hoạt cho nhân dân và làm dịch vụ giao nhận than các các hộ lớn theo địa bàn được phân công.
- Quản lý cơ sở vật chất, các chi phí định mức của đơn vị.
- Quản lý chất lượng sản phẩm.
- Quản lý các trạm, các cửa hàng trực thuộc xí nghiệp.

5. Định hướng phát triển.

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Phấn đấu phát triển bền vững; nâng cao hiệu quả kinh doanh; đáp ứng đầy đủ nhu cầu ngày càng tăng thêm của khách hàng; phát triển toàn diện về người lao động.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Năm 2013, Công ty điều chỉnh chiến lược phát triển, từ xu hướng kinh doanh đa ngành nghề chuyển sang ưu tiên phát triển theo chiều sâu. Đối với hoạt động kinh doanh chính là chế biến, kinh doanh than. Công ty chú trọng đầu tư tăng năng lực sản xuất, đầu tư xây dựng các kho than phục vụ công tác kinh doanh và chế biến, nâng cấp than. Ổn định tốc độ tăng trưởng doanh thu, giá trị sản xuất và lợi nhuận hàng năm.

Công ty tiếp tục đầu tư cho nguồn nhân lực, coi đây là nhân tố quyết định cho sự thành công của doanh nghiệp, trong đó, nâng cao chất lượng tuyển dụng, thực hiện công tác quy hoạch- đào tạo, xây dựng một đội ngũ lao động làm việc chuyên nghiệp, có kỹ thuật cao đi đôi với việc giải quyết tốt chế độ cho người lao động để người lao động an tâm, gắn bó với doanh nghiệp.

c) Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Trong năm năm tiếp theo, Công ty thực hiện di dời xong các Kho than đến các địa điểm mới theo quy hoạch của các Địa phương xây dựng các nhà tiền chế để chứa than và chế biến than, hạ chế đến mức thấp nhất sản lượng than để ngoài trời. Bê tông hóa nền kho, đường vào kho. Sử dụng tối đa diện tích trồng cây xanh theo thiết kế, vv...

- Trang bị các máy móc thiết bị tiên tiến nhằm giải phóng sức người, đồng thời bảo đảm cho người lao động làm việc trong môi trường có tiếng ồn, độ rung, nhiệt độ, vv ở mức thấp nhất.

- Tạo việc làm cho lao động ở địa phương, tham gia đóng góp vào sự phát triển và an sinh của cộng đồng dân cư nơi các Chi nhánh đóng chân.

6. Các rủi ro.

Công ty Cổ phần Than Miền Trung là công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, hoạt động theo luật doanh nghiệp với các lĩnh vực kinh doanh chính là chế biến, kinh doanh than tại khu vực miền Trung, Tây Nguyên. Do đặc thù của ngành nghề và phạm vi hoạt động nên hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng của các rủi ro sau:

a) Rủi ro về kinh tế là những thay đổi nội tại của nền kinh tế cùng với sự thay đổi chính sách tài chính và tiền tệ làm ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình hoạt động của Công ty.

Ngành than đóng vai trò là ngành kinh tế trọng điểm cung cấp nhiên liệu hoạt động cho hầu hết các ngành khác. Vì vậy, những biến động của kinh tế của thế giới, quốc gia hay thay đổi về chiến lược phát triển kinh tế của vùng, địa phương đều có ảnh hưởng đến ngành than, trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các ngành vốn là khách hàng tiêu thụ của ngành than. Khi nền kinh tế phát triển, nhu cầu sản phẩm của các ngành vốn là khách hàng của ngành than tăng trưởng nhanh chóng nên nhu cầu than và các sản phẩm công nghiệp than tăng lên tương ứng. Ngược lại, khi nền kinh tế lâm vào khủng hoảng, mức cầu của ngành than giảm sút nên doanh thu và lợi nhuận của Công ty sẽ bị giảm sút t ương ứng.

Tuy nhiên, trong thời gian qua, nhu cầu về than trên thị trường trong nước và quốc tế đang rất lớn, và được sự ưu đãi về thuế và các chính sách của chính phủ nên hoạt động của ngành than ít chịu rủi ro do biến cố của thị trường tiền tệ.

b) Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Để tăng cường hiệu quả quản lý cũng như tạo hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp tăng trưởng và phát triển, Nhà nước đã thực hiện ban hành một loạt các hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội.

Hoạt động của Công ty cổ phần Than Miền Trung chịu ảnh hưởng của Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán sau khi công ty đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra, ảnh hưởng đến hoạt động quản trị và kinh doanh của doanh nghiệp.

Công ty cổ phần Than Miền Trung thực hiện sản xuất và kinh doanh than nên sẽ chịu tác động gián tiếp từ Luật khoáng sản về khai thác than. Bất kỳ một sự thay đổi nào các văn bản pháp luật, các quy định chính sách của Luật khoáng sản cũng sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của Công ty.

c) Rủi ro về chính sách

Công ty Cổ phần Than Miền Trung là công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam nên kế hoạch sản lượng, doanh thu phải được Tập đoàn thông qua từng năm. Bên cạnh đấy, thị trường tiêu thụ của Công ty được phân công trên nguyên tắc quyết định tiêu thụ và quản lý nguồn hàng của Tập đoàn. Do đó, các chính sách kinh doanh và định hướng chiến lược phát triển chung của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam sẽ tạo thuận lợi hoặc gây khó khăn đối với sự phát triển của Công ty.

Hiện nay, nhu cầu tiêu thụ than trong nước là rất lớn, cộng với chiến lược an ninh năng lượng quốc gia nên chính sách của Chính phủ và Tập đoàn sẽ ưu tiên tiêu thụ than trong nước, giảm dần xuất khẩu. Và dự báo những năm

đến, Việt Nam sẽ bắt đầu phải nhập khẩu than. Hiện tại, giá bán than nội địa của Việt Nam thấp hơn nhiều so với giá than quốc tế. Với sự thay đổi về nhu cầu than và chính sách năng lượng, chắc chắn giá than có nhiều biến động.

Giá than bán cho các hộ tiêu thụ lớn trong nước khác như xi măng, giấy, phân bón đã được điều chỉnh theo giá thị trường đảm bảo không thấp hơn giá xuất khẩu. Những yếu tố này sẽ có tác động tích cực đến lợi nhuận của Công ty trong tương lai.

d) Rủi ro về môi trường tự nhiên

Ngành công nghiệp than phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố về môi trường tự nhiên. Bất kỳ một sự biến động nào của môi trường tự nhiên cũng đều tác động đến chất lượng sản phẩm than như: sự biến động về địa chất, quy hoạch khai thác vùng chưa ổn định...Chất lượng than ngày càng giảm là yếu tố tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ngành than.

Than là nguồn khoáng sản tự nhiên và không thể tái sinh. Việt Nam với công nghệ khai thác còn sơ khai cộng thêm việc khai thác bừa bãi đã làm cho trữ lượng than ngày càng giảm sút đáng kể, tốc độ khai thác nhanh hơn tốc độ thăm dò. Việt Nam sẽ phải nhập khẩu than trong tương lai gần nếu không có kế hoạch khai thác và quản lý nguồn than hợp lý.

e) Rủi ro cạnh tranh

Những năm trước đây các công ty hoạt động trong ngành than đều chịu sự quản lý và điều tiết của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam nên hầu hết hạn chế sự cạnh tranh về sản phẩm và thị trường giữa các công ty than trong nước. Hiện tại, trong lĩnh vực chế biến và kinh doanh than có các công ty tham gia: Công ty CP Kinh doanh than Cẩm Phả, công ty CP Than Miền Bắc, công ty CP Than Miền Nam và công ty CP than Miền Trung, Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ. Hiện nay Tổng công ty Đông Bắc tách ra khỏi sự quản lý của Tập đoàn trực thuộc Bộ Quốc phòng cũng là một trở lực lớn cho Công ty hiện nay phân vùng tiêu thụ sản phẩm của Công ty CP Than Miền Trung là các tỉnh miền Trung từ Quảng Bình đến Bình Thuận và các tỉnh Tây Nguyên, nhưng Tập đoàn cũng phân chia lại thị trường Miền Trung- Tây Nguyên cho các công ty nêu trên.

Tuy nhiên, các công ty than trong nước phải đối mặt với tình trạng khai thác, vận chuyển và buôn bán than lậu từ các doanh nghiệp hay hộ cá thể. Than được ví như vàng đen nên những khoản siêu lợi nhuận từ hoạt động khai thác, buôn bán, xuất khẩu than trái phép đã làm mờ mắt nhiều người. Với hoạt động sản xuất kinh doanh trái phép, tránh thuế, bất chấp hủy hoại môi trường và tính mạng con người nên nguồn than lậu có giá bán rẻ hơn nhiều so với giá bán của các công ty than hoạt động hợp pháp. Điều này đã đặt ra tình trạng tiến thoái lưỡng nan cho các công ty than. Nếu giảm giá bán để cạnh tranh với giá than lậu thì doanh thu của các công ty than không đủ bù đắp chi phí, mà giữ nguyên giá thì hàng tồn kho sẽ tăng cao. Đứng riêng góc độ mỗi công ty không thể nào hạn chế được tình trạng này mà đòi hỏi phải có sự hợp tác quản lý chặt chẽ của cả Tập đoàn, chính quyền địa phương và các lực lượng chức năng.

Bên cạnh đấy, áp lực cạnh tranh từ sản phẩm thay thế đã, đang và sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ngành than. Với mục đích sử dụng là tạo ra năng lượng nhiệt, do vậy hiện nay có rất nhiều sản phẩm có thể thay thế được cho than như dầu khí, điện, gỗ, năng lượng mặt trời, và đặc biệt là năng lượng nguyên tử. Do đó nếu giá than quá cao nhiều doanh nghiệp cũng sẽ chuyển sang dùng nguồn năng lượng khác vì thế cạnh tranh với các sản phẩm năng lượng thay thế là rất cao.

f) Rủi ro khác.

Hoạt động ngành than chịu sự tác động rất lớn về điều kiện tự nhiên. Nước ta nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới nên lượng mưa hàng năm rất lớn, mưa lớn tràn qua các tầng khai thác trên cao cuốn theo bùn đất, than xuống đáy mỏ. Điều này gây khó khăn cho hoạt động khai thác than và giảm chất lượng than cung cấp. Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng của nguồn nguyên liệu than đầu vào, cho nên sự thay đổi điều kiện tự nhiên dẫn đến sự biến động doanh thu, lợi nhuận của Công ty theo mùa.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2013

Để thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông thông qua năm 2013, Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động kinh doanh một cách linh hoạt bằng nhiều biện pháp hiệu quả liên quan đến thị trường, đầu tư, lao động, tài chính, quản trị tốt chi phí... nhằm ứng phó với tình hình suy thoái kinh tế hiện nay, tìm mọi biện pháp để giữ ổn định hoạt động kinh doanh trong giai đoạn khó khăn, đảm bảo quyền lợi của cổ đông, thu nhập của người lao động và thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

a. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2013.

Những khó khăn về tài chính của khách hàng đã ít nhiều tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty; nhiều khách hàng khó khăn trong thanh toán, một số khác sản xuất cầm chừng, vv... Phía Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp tiết kiệm chi phí, điều động hàng hoá để có mức tồn kho tại các đơn vị ở mức hợp lý, thực hiện khoán vốn lưu động, quản lý lưu chuyển tiền tệ, vv... Song song với biến pháp tài chính, Công ty tiếp tục thực hiện các biện pháp về tiêu thụ, như nâng cao chất lượng hàng hoá, chất lượng dịch vụ chăm sóc nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Thị phần của Công ty hiện nay phát triển chậm, năng lực cạnh tranh chưa được nâng lên rõ rệt. Mặc dù chất lượng đội ngũ cán bộ, nhân viên của Công ty ngày càng được hoàn thiện; hệ thống kho bãi, cơ sở vật chất- kỹ thuật, khả năng tài chính đủ để phát triển và nâng cao chất lượng kinh doanh trong những năm tiếp theo.

Tình hình tài chính của Công ty được đánh giá là minh bạch. Công ty thực hiện tốt công tác quản lý chi phí trên cơ sở tiết kiệm và đúng chế độ tài chính, quản lý chặt chẽ các định mức kinh tế, kỹ thuật, khoán vốn lưu động, duy trì hàng tồn kho ở mức hợp lý, thực hiện luân chuyển tiền tệ để hạn chế vay vốn ngân hàng và trong thời gian ngắn nhất. Công ty không có nợ quá hạn, các khoản phải thu được quản lý chặt chẽ. Nợ bán hàng vẫn ở trong phạm vi được kiểm soát; chủ động thanh toán nợ mua than với Tập đoàn. Doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng cao. Các chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính như: khả năng sinh lời, năng lực hoạt động, mức độ rủi ro về tài chính và khả năng thanh toán đều mang tính tích cực.

a) Tình hình thực hiện so với kế hoạch kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2013	Thực hiện năm 2013	Tỷ lệ %
1	Chỉ tiêu về sản lượng				
	- Thu mua	1 000 tấn	350	342	98
	- Tiêu thụ	1 000 tấn	350	342	98
2	Doanh thu	Tr. đồng	760 934	727 503	96
3	Giá vốn hàng hoá bán ra	Tr. đồng	694 023	660 318	95
4	Giá trị sản xuất	Tr. đồng	66 911	67 185	100
5	Tổng chi phí trong kỳ	Tr. đồng	53 911	56 230	104
5.1	Chi phí trung gian	Tr. đồng	19 247	22 290	116

5.2	Giá trị gia tăng	Tr. đồng	34 664	33 940	98
	- Khấu hao TSCĐ	Tr. đồng	5 500	5 169	94
	- Tiền lương	Tr. đồng	26 764	26 764	100
	-Tiền lương SXKD	Tr. đồng	25 958	25 958	100
	-Tiền lương VC quản lý	Tr. đồng	806	806	100
	- Bảo hiểm	Tr. đồng	1 800	1 584	88
	- Thuế trong giá thành	Tr. đồng	600	423	71
6	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	13 000	10 955	84
7	Cổ tức (đề xuất)	%	15	12	
8	Lao động và thu nhập				
	- Lao động	Người	215	215	100
	- Đơn giá TL/GTSX	Đ/1000 đ	388	388	100
	- Tiền lương BQ/ ng/ tháng	1000 đồng	10 374	10 374	100

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban điều hành.

Giám đốc: Ông Trần Quang Lai

Ngày tháng năm sinh: 23/7/1955

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú hiện nay: Số 14 Hải Sơn, P. Thanh Bình, Tp. Đà Nẵng

Trình độ chuyên môn: Đại học

Quá trình công tác:

10/1978 - 09/1980 : Chiến sỹ, hạ sỹ quan quân đội nhân dân Việt Nam.

10/1980 - 06/1983 : Tiếp tục học tập tại Đại học Đà Nẵng.

07/1983 - 03/1999: Cán bộ, T. phòng, Phó Giám đốc Công ty than Miền Trung.

04/1999 - 12/2003 : Giám đốc Công ty than Miền Trung.

12/2003 - 12/2005: Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty CP than Miền Trung.

01/2006 - 02/2010 : Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty CP than Miền Trung - TKV.

03/2010 đến nay : Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty CP than Miền Trung - VINACOMIN.

Số cổ phần phổ thông nắm giữ: 11.700 cổ phần

Phó giám đốc: Ông Võ Đức Dũng

Ngày tháng năm sinh: 25/12/1958

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú hiện nay: P. Hoà Khánh Nam, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

Trình độ chuyên môn: Đại học

Quá trình công tác:

06/1980 - 04/1998 : Cán bộ Phòng Kế hoạch Công ty than Miền Trung

05/1998 - 05/2001 : Phó Giám đốc Xí nghiệp than Nam Ngãi - Công ty than Miền Trung

06/2001 - 12/2003 : Trưởng phòng Kế hoạch Công ty than Miền Trung

01/2004 - 7/2006 : Trưởng phòng Kế hoạch Công ty CP than Miền Trung

8/2006 đến nay : Phó Giám đốc Công ty CP than Miền Trung- VINACOMIN

Số cổ phần phổ thông nắm giữ: 7.200 cổ phần

Kế toán trưởng: Bà Nguyễn Thị Anh

Ngày tháng năm sinh: 04/6/1961

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú hiện nay: 218/15 Đống Đa, P. Thuận Phước, Tp. Đà Nẵng

Trình độ chuyên môn: Đại học

Quá trình công tác:

07/1985 - 03/1993 : Cán bộ kế toán mỏ than Nông Sơn.

04/1993 - 08/1997 : Kế toán trưởng mỏ than Nông Sơn.

09/1997 - 06/2001 : Chuyên viên chính Công ty than Miền Trung.

07/2001 - 07/2003 : Kế toán trưởng XN than Nam Ngãi - Công ty than Miền Trung.

08/2003 - 03/2010 : Kế toán trưởng Công ty CP than Miền Trung - TKV.

03/2010 đến nay : Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty CP than Miền Trung - VINACOMIN.

Số cổ phần phổ thông nắm giữ: 10.800 cổ phần

b) Thay đổi Giám đốc điều hành trong năm: Không

c) Số lượng CBCNV và chính sách đối với người lao động:

Số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của CBCNV:

Số lượng lao động tại Công ty cổ phần Than Miền Trung tại thời điểm 31/12/2013 là 215 người, cụ thể như sau:

Trình độ chuyên môn, nghịệp vụ	Số lượng (người)	Tỷ lệ %
Đại học	50	23,1
Cao đẳng	5	2,3
Trung học	16	7,4
Khác	144	67,2
Tổng số	215	100

Chính sách đối với người lao động:

v Chính sách trả lương

Công ty Công ty cổ phần Than Miền Trung - VINACOMIN chi trả lương cho cán bộ công nhân viên Công ty theo đơn giá tiền lương do Hội đồng quản trị phê duyệt trên cơ sở Kế hoạch phối hợp kinh doanh với Tập đoàn Than- Khoáng sản Việt Nam. Đồng thời Công ty đã ban hành Quy chế quản lý và phân phối tiền lương tiền thưởng. Quy chế này ban hành nhằm cụ thể hóa mức lương, thưởng cho từng CBCNV theo cấp bậc công việc, năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Nhờ đó đã khuyến khích người lao động không ngừng nâng cao tay nghề và hiệu quả làm việc.

v Chính sách bảo hiểm

Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm và các chế độ khác có liên quan đến người lao động theo qui định bao gồm: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp nghỉ việc, khám bệnh định kỳ.

v Chính sách khác

Công ty luôn quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động thông qua các hoạt động như: tham quan, du lịch trong và ngoài nước, thi đấu thể thao nội bộ Công ty, hội thao khối Doanh nghiệp, tổ chức hội thi nội trợ với Chuyên đề "giỏi việc nước, đảm việc nhà", thăm hỏi ốm đau, hiếu, hỷ,... Hằng năm, Công ty duy trì tổ chức các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ trọng đại của đất nước, như: ngày Lễ Chiến Thắng, ngày Quốc tế lao động, Quốc khánh 2/9, Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày Thương binh liệt sĩ 27/7, ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6,...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

a) Năm 2013, Công ty thực hiện kế hoạch đầu tư 7.711 triệu đồng, đạt 37,2% kế hoạch.

Về kết cấu vốn đầu tư: Đầu tư xây dựng cơ bản: 5.608 triệu đồng; mua sắm máy móc, thiết bị: 1.689 triệu đồng. Về nguồn vốn: Vốn khấu hao: 7 513 triệu đồng, Quỹ môi trường Công ty: 198 triệu đồng.

Các công trình chưa thực hiện hoặc chưa cần thiết đầu tư:

- Công trình di dời Kho than Đà Nẵng (giảm 13.000 triệu đồng);
- Hệ thống thoát nước, hồ lắng than kho than Quy Nhơn (giảm 677 triệu đồng)

- Đầu tư nền bê tông kho than Nam Ngãi (giảm 1.201 triệu đồng)

+ Các hạng mục mua xe xúc lật XN than Huế, Trạm Chu Lai, bê tông nền, tường rào kho mở rộng Chu Lai nhà ăn, nhà nghỉ XN Quy Nhơn, lắp đặt Trạm cân Ninh Hòa. HĐQT nhận thấy chưa cần thiết đầu tư trong năm 2013: Giảm 4.700 triệu đồng.

Công ty không tiến hành đầu tư tài chính.

b) Tình hình tài chính của Công ty đã trình bày một cách trung thực và hợp lý, được đánh giá là lành mạnh và minh bạch. Công ty thực hiện tốt công tác quản lý chi phí trên cơ sở tiết kiệm và đúng chế độ tài chính, quản lý chặt chẽ các định mức kinh tế, kỹ thuật, khoán vốn lưu động, duy trì hàng tồn kho ở mức hợp lý, thực hiện luân chuyển tiền tệ để hạn chế vay vốn ngân hàng và trong thời gian ngắn nhất. Công ty không có nợ quá hạn, các khoản phải thu được quản lý chặt chẽ. Nợ bán hàng vẫn ở trong phạm vi được kiểm soát; chủ động thanh toán nợ mua than với Tập đoàn. Doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng cao. Các chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính như: khả năng sinh lời, năng lực hoạt động, mức độ rủi ro về tài chính và khả năng thanh toán đều mang tính tích cực.

4. Tình hình tài chính:

a) Kết quả kinh doanh:

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	186 099 067 225	202 529 844 614	91,88
Doanh thu thuần	727 544 655 024	1179 413 259 063	61,68
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2 952 309 072	16 760 599 456	
Lợi nhuận khác	7 997 149 429	517 079 069	103.37
Lợi nhuận trước thuế	10 949 458 501	17 277 678 525	61.27
Lợi nhuận sau thuế	8 216 076 334	12 916 961 484	61.06
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	12%	15%	75.00

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2013	Năm 2012
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	Lần		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn		1.22	1.19

(TSLĐ/Nợ ngắn hạn)			
+ Hệ số thanh toán nhanh		0.51	0.67
(TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	Lần		
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản		0.64	0.68
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu		1.78	2.12
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay vốn tồn kho	Vòng	9.71	13.88
(Giá vốn hàng hóa/Hàng tồn kho bình quân)			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	3.91	5.83
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	%		
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/DT thuần		1.13	1.09
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH		12.25	19.85
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		4.41	6.38
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần		1,37	1.42

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần.

Hiện tại, cổ phiếu của Công ty cổ phần Than Miền Trung - VINACOMIN được lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán là CZC, cổ phiếu Công ty đã được giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Năm 2013, vốn cổ đông và vốn góp không có thay đổi đáng kể.

Tổng số cổ phiếu theo từng loại:

+ Cổ phần phổ thông: 2.667.900 cổ phiếu

+ Cổ phần ưu đãi: không có

Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại: không có

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:

+ Cổ phần phổ thông: 2.667.900 cổ phiếu

+ Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: không có

b) Cơ cấu cổ đông.

Cổ đông là tổ chức, cổ đông là cá nhân

+ Cổ đông là tổ chức: Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam: nắm giữ 1.874.100 cổ phần, chiếm 70,15%;

+ Cổ đông là cá nhân nắm giữ 793.800 cổ phần, chiếm 29,85%.

Cổ đông lớn, nhỏ:

+ Cổ đông lớn: Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam: nắm giữ 1.874.100 cổ phần, chiếm 70,15%;

+ Cổ đông nhỏ: gồm 133 người nắm giữ 793.800 cổ phần, chiếm 29,85%.

Cổ đông trong nước, cổ đông nước ngoài

+ Cổ đông trong nước: 134 cổ đông, nắm giữ 2.667.900 CP,

+ Cổ đông nước ngoài: không có.

Cổ đông nhà nước, cổ đông khác

+ Cổ đông nhà nước: Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam: nắm giữ 1.874.100 cổ phần, chiếm 70,15%

+ Cổ đông khác: nắm giữ 793.800 cổ phần, chiếm 29,85%.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ. Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.

1. Kết quả kinh doanh, đầu tư năm 2013.

a) Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2013, Công ty tiêu thụ được 342 tấn than, đạt 98% kế hoạch điều chỉnh và bằng 70% năm 2012. Trong hoàn cảnh cạnh tranh gay gắt và khách hàng thu hẹp sản xuất do thiếu vốn và hàng tồn kho cao, Công ty đã chủ động giảm giá bán than để kích thích tiêu thụ.

Doanh thu đạt 727 tỷ đồng, bằng 96% kế hoạch điều chỉnh và bằng 61,68% so với 2012. Giá trị sản xuất đạt 67 tỷ đồng, bằng 100%, kế hoạch điều chỉnh, lợi nhuận trước thuế đạt 10 tỷ đồng, bằng 77% kế hoạch. Khấu hao tài sản cố định 5,1 tỷ đồng.

So với năm 2012, giá trị sản xuất chỉ bằng 67%, lợi nhuận chỉ giảm %, nguyên nhân chủ yếu là do Công đã định hướng

từng giai đoạn để điều hành giảm lượng tồn kho, linh hoạt giá bán than cho phù hợp chủ trương của Chính Phủ và tình hình của thị trường nhằm giữ ,và tạo điều kiện tốt nhất cho khách hàng.

Phân loại khả năng thanh toán của khách hàng để chủ động bán hàng. Giảm tối đa chi phí của doanh nghiệp, như chủ động mua các chủng loại than cho phù hợp, duy trì sản lượng hàng tồn kho hợp lý, giảm bán nợ, thực hiện tốt việc lưu chuyển tiền tệ, vv... để giảm dần lãi vay ngân hàng.

Đánh giá chung về hoạt động kinh doanh năm 2013. Mặc dù khối lượng hàng bán ra có tăng hơn năm trước, nhưng mức tăng thiếu tính bền vững, còn phụ thuộc vào tình hình của thị trường, vào tình hình kinh tế của cả nước; mức tăng trưởng về lợi nhuận, doanh thu, tổng tài sản không cao.

b) Về công tác đầu tư.

Giá trị đầu tư thực hiện năm 2013 là 7.711 tỷ đồng, đạt 30% kế hoạch, 100% so kế hoạch điều chỉnh. Lý do: một số công trình đầu tư, như đầu tư di dời Kho than Đà Nẵng, di dời Kho than Quy Nhơn chưa tiến hành được do thủ tục hành chính về đất đai, môi trường, chi phí đầu tư xây dựng Kho than Nam Ngãi thấp hơn kế hoạch, vv... một số công trình được tạm dừng để tập trung vốn cho kinh doanh mà không ảnh hưởng đến kế hoạch lâu dài.

2. Phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2014.

Trên cơ sở định hướng phát triển Công ty trung và dài hạn, Ban Giám đốc sẽ triển khai thực hiện theo những định hướng, chiến lược đó trong thời gian đến, cụ thể trong năm 2014 tập trung vào những công việc sau đây:

- Hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2014 do Đại hội đồng thông qua, cụ thể:

- Sản lượng than tiêu thụ : 350.000 tấn
- Doanh thu : 721.000 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 8.000 triệu đồng
- Cổ tức : từ 10% đến 15%

- Năm 2014, Công ty có kế hoạch đầu tư là: 12.416 tỷ đồng, trong đó tập trung xây dựng các kho than, đổi mới thiết bị nhằm tăng năng lực sản xuất:

Các công trình chuyển tiếp 6.120 tỷ đồng, bao gồm: xây dựng và di dời kho than Ninh Hoà, Quy Nhơn, kho than Điện Thắng, kho than Đà Nẵng.

Các công trình mới 6.296 tỷ đồng, trong đó xây dựng cơ sở vật chất tại các kho than, trang bị thêm thiết bị nâng cao năng lực sản xuất...

3. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

- Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (Có phụ lục kèm theo)

Đánh giá chung về hoạt động SX kinh doanh và tình hình tài chính năm 2013: Năm 2013 có thể nói là năm đang tiếp tục khó khăn của nền kinh trong nước, khối lượng bán ra của Công ty thấp nhất trong 10 năm qua. Sự cạnh tranh quá khốc liệt, Công ty phải hạ giá nhằm đẩy mạnh lượng tiêu thụ, từ đó lợi nhuận thấp, chưa đạt được kỳ vọng củ tất cả cổ đông. Bên cạnh những việc đã làm được, Công ty còn có một số hạn chế nhất định: tổng nợ phải thu khách hàng còn lớn, (năm 2013 là 73,345/88,732 tỉ đồng năm 2012), tiềm ẩn nhiều rủi ro cao, Công ty tiếp tục trích bổ sung quỹ dự phòng nợ khó đòi 5,297 tỉ đồng, đưa quỹ dự phòng nợ phải thu khó đòi lũy kế đến năm 2013 là 27,127 tỉ đồng , Công ty tìm cách xoay sở các nguồn vốn để lãi vay giảm, năm 2013: 2,94/ 9,064 tỉ so năm 2012, chi phí bán hàng năm 2012 là 44,821 tỉ /62,475, bằng 72% năm 2012, tất cả số liệu này cho thấy rằng công ty đã cố gắng hạn chế, tiết giảm những chi phí không thật sự cần thiết, nhằm sử dụng hiệu quả đồng vốn. Xác định năm 2013 là năm khó khăn hơn năm 2012, thách thức đặt ra cho Công ty rất lớn, vừa giải quyết tích cực thu hồi công nợ cũ vừa tiết giảm chi phí để đẩy mạnh tiêu thụ hàng hóa, giữ được khách hàng, mặt khác phải đảm bảo có lợi nhuận để chia cổ tức cho các cổ đông là những vấn đề đặt lên hàng đầu

trong chiến lược kinh doanh của Công ty năm 2013.

4. Cải tiến về cơ cấu, tổ chức, chính sách quản lý, kế hoạch phát triển tương lai.

- Khai thác tốt thị trường khu vực, bảo đảm đủ số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa theo yêu cầu của khách hàng. Nâng cao chất lượng phục vụ, đồng thời thực hiện chặt chẽ công tác pháp chế trong hợp đồng kinh tế với khách hàng.

- Rà soát để bổ sung sửa đổi cơ chế quản lý điều hành và các quy chế quản lý trong doanh nghiệp cho phù hợp với luật pháp và điều kiện thực tế theo hướng tăng cường sự chủ động của các Chi nhánh và quản lý chặt hơn về tài chính.

- Thực hiện công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ kế cận nhằm tạo ra đội ngũ cán bộ có phẩm chất nghề nghiệp và năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu của phát triển.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

Năm 2013, Công ty đã khắc phục khó khăn về thị trường, về chính sách giảm giá, về tài chính, vv... để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao phó. Chủ động điều tiết hàng hóa, sản lượng tồn kho, giá cả và quan hệ với khách hàng. Chất lượng sản phẩm và chất lượng dịch vụ được nâng cao, giữ vững được thị phần của Công ty. Công ty đang tích cực xây dựng cơ sở vật chất nhằm tạo ra sự ổn định lâu dài trong kinh doanh.

Một số công trình đầu tư chưa hoàn thành hoặc chưa chính thức tiến hành là do thủ tục hành chính về đất đai ở địa phương.

Trong một năm thực hiện nhiệm vụ, Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức trách, quyền hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Bảo toàn và phát triển vốn. Từng bước hoàn thiện cơ chế quản lý và hướng các hoạt động của Công ty đạt hiệu quả cao. Giám sát và tạo điều kiện cho Ban Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ.

Hội đồng quản trị hoạt động dân chủ, phát huy trí tuệ của tập thể trong lãnh đạo và quản lý Công ty. Hội đồng quản trị xây dựng Nghị quyết đúng quy trình, đúng chức năng và quyền hạn của mình. Các thành viên Hội đồng quản trị làm việc công tâm, đoàn kết và trung thực. Không xảy ra xung đột nội bộ.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc.

- Năm 2013, Trước những khó khăn do tình hình suy thoái kinh tế, Ban Giám đốc đã quản lý điều hành Công ty đạt kết quả kinh doanh so với kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao như sau: sản lượng tiêu thụ đạt 68,4%, doanh thu đạt 62%, giá trị sản xuất đạt 62%, lợi nhuận đạt 61%, thu nhập người lao động đạt 81%.

- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế, các nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty.

- Có các biện pháp tích cực và tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị phát huy tính năng động trong kinh doanh.

- Thực sự chủ động trong công tác quản lý, điều hành; chủ động tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện tốt công tác quản lý chi phí, quản lý công nợ và lưu chuyển tiền tệ; chưa xảy ra thất thoát vốn. Việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ sách kế toán, báo cáo tài chính cũng như các báo cáo thông kê của Công ty là trung thực, đúng quy định. Tình hình tài chính của Công ty là lành mạnh và minh bạch. Vốn và tài sản của Công ty được bảo toàn và phát triển.

- Các đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm túc các quy chế quản lý nội bộ. Các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động do Giám đốc Công ty ký kết hoặc ủy nhiệm Giám đốc các Xí nghiệp ký kết đều tuân thủ đúng pháp luật và được tổ chức thực hiện có hiệu quả. Năm 2012, không có tranh chấp nội bộ. Các tranh chấp dân sự giữa Công ty và các tổ chức, cá

nhân ngoài doanh nghiệp được giải quyết dứt điểm thông qua thương lượng hoặc thông qua các cơ quan pháp luật.

- Việc làm, thu nhập của người lao động được ổn định.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.

1. Hội đồng quản trị.

a) Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị: Ông Trần Quang Lai

Ngày tháng năm sinh: 23/7/1955

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú hiện nay: Số 14 Hải Sơn, P. Thanh Bình, Tp. Đà Nẵng

Trình độ chuyên môn: Đại học

Là Thành viên điều hành

Quá trình công tác:

10/1978 - 09/1980 : Chiến sỹ, hạ sỹ quan quân đội nhân dân Việt Nam.

10/1980 - 06/1983 : Tiếp tục học tập tại Đại học Đà Nẵng.

07/1983 - 03/1999: Cán bộ, T. phòng, Phó Giám đốc Công ty than Miền Trung.

04/1999 - 12/2003 : Giám đốc Công ty than Miền Trung.

12/2003 - 12/2005: Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty CP than Miền Trung.

01/2006 - 02/2010 : Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty CP than Miền Trung - TKV.

03/2010 đến nay : Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty CP than Miền Trung - VINACOMIN.

Ủy viên Hội đồng quản trị: Bà Nguyễn Thị Anh

Ngày tháng năm sinh: 04/6/1961

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú hiện nay: 218/15 Đống Đa, P. Thuận Phước, Tp. Đà Nẵng

Trình độ chuyên môn: Đại học

Là thành viên điều hành

Quá trình công tác:

07/1985 - 03/1993 : Cán bộ kế toán mỏ than Nông Sơn.

04/1993 - 08/1997 : Kế toán trưởng mỏ than Nông Sơn.

09/1997 - 06/2001 : Chuyên viên chính Công ty than Miền Trung.

07/2001 - 07/2003 : Kế toán trưởng XN than Nam Ngãi - Công ty than Miền Trung.

08/2003 - 03/2010 : Kế toán trưởng Công ty CP than Miền Trung - TKV.

03/2010 đến nay : Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty CP than Miền Trung - VINACOMIN.

Thành viên HĐQT: Ông Thái Vĩnh

Ngày tháng năm sinh: 24/08/1957

Địa chỉ thường trú hiện nay: phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

Trình độ chuyên môn: Đại học

Là Thành viên độc lập

Quá trình công tác:

03/1979 - 08/1980 : Học trung cấp

09/1980 - 04/1984 : Cán bộ Kỹ thuật Mỏ Nông sơn.

05/1984- 8/1995 : Đội phó, đội trưởng đội xây dựng mỏ

09/1995 - 6/1997 : Trạm trưởng 257 - Trần Cao Vân, XN mỏ- Trọ lý Giám đốc

07/1997 - 02/2004 : Giám đốc XN chế biến kinh doanh than Nam Ngãi thuộc Công ty than Miền Trung.

03/2004 - 03/2009 : Ủy viên HĐQT Công ty CP than Miền Trung - TKV; Giám đốc Xí nghiệp than Nam Ngãi.

03/2013 - đến nay : Ủy viên HĐQT Công ty CP than Miền Trung -Vinacom; Giám đốc Xí nghiệp than Nam Ngãi

Ủy viên HĐQT: Ông Phan Văn Thảo

Ngày tháng năm sinh: 25/5/1959

Địa chỉ thường trú hiện nay: 119 D Lý Nam Đế, thành phố Nha Trang, Khánh Hoà

Trình độ chuyên môn: Đại học

Là thành viên độc lập

Quá trình công tác:

01/1981 - 01/1998 : Cán bộ, Trưởng phòng Xí nghiệp than Nha Trang thuộc Công ty than Miền Trung.

02/1998 - 12/2003 : Phó Giám đốc Xí nghiệp than Nha Trang thuộc Công ty than Miền Trung.

01/2004 - 07/2004 : Ủy viên HĐQT Công ty, Phó Giám đốc XN than Nha Trang thuộc Công ty than Miền Trung.

08/2004 - 12/2010: Ủy viên HĐQT Công ty, Giám đốc XN than Nha Trang thuộc Công ty CP than Miền Trung - TKV.

Ủy viên HĐQT: Ông Nguyễn Văn Chính

Ngày tháng năm sinh: 12/01/1961

Địa chỉ thường trú hiện nay: 18. Phan Bội Châu, Tp. Đà Nẵng

Trình độ chuyên môn: Đại học

Là thành viên độc lập

Quá trình công tác:

5/1985 - 01/1986 : Cán bộ Công ty than Miền Trung.

- 02/1986 - 06/1988 : Chiến sỹ E 687, Mặt trận 579.
- 07/1988 - 06/1997 : Chuyên viên Công ty than Miền Trung.
- 07/1997 - 12/1998 : Phó G. đốc XN than Đà Nẵng Công ty than Miền Trung.
- 01/1999 - 12/2003 : Giám đốc XN than Đà Nẵng, Công ty than Miền Trung.
- 01/2004 - 12/2005 : Ủy viên HĐQT Công ty CP than Miền Trung - TKV; Giám đốc Xí nghiệp than Đà Nẵng.
- 01/2006 - 02/2009 : Giám đốc XN than Đà Nẵng thuộc Công ty than Miền Trung-TKV
- 2/2009 đến nay : Ủy viên HĐQT Công ty CP than Miền Trung-vinacomin; Giám đốc Xí nghiệp than Đà Nẵng

v Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT:

Số lượng cổ phiếu nắm giữ của thành viên HĐQT thay đổi trong năm như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP nắm giữ		Tỷ lệ sở hữu CP (%)
			31/12/2011	Từ 31/12/2012	
1	Trần Quang Lai	Chủ tịch HĐQT	11.700	11.700	0,43
	Nguyễn Văn Chín	Thành viên HĐQT	10.800	10.800	0,40
3	Nguyễn Thị Anh	Thành viên HĐQT	10.800	10.800	0,40
4	Phan Văn Thảo	Thành viên HĐQT	6.900	6.900	0,26
5	Thái Vĩnh	Thành viên HĐQT	7.500	7.500	0,28

b) Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị.

Năm 2013, Hội đồng quản trị tổ chức họp 6 lần để bàn bạc và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, nhằm quản lý công ty đạt hiệu quả cao nhất. Trong các cuộc họp có 5/5 thành viên tham gia. Hội đồng quản trị đã có nghị quyết về các nội dung:

- Chuẩn bị chương trình và nội dung đại hội cổ đông,
- Về công tác đầu tư,
- Về quyết toán tiền lương,
- Vay vốn phục vụ kinh doanh,
- Chọn công ty kiểm toán,
- Về công tác nhân sự,

Trong năm, Hội đồng quản trị đã thường xuyên giám sát các hoạt động của Ban Giám đốc và phối hợp với Ban Kiểm

soát để chỉ đạo và điều hành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị có mối quan hệ chặt chẽ với Ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát cũng được cung cấp đầy đủ tài liệu các cuộc họp của Hội đồng quản trị; Ban Kiểm soát thường xuyên cung cấp thông tin đến Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các phòng ban quản lý góp phần hoàn thiện công tác quản lý SXKD ngày càng tốt hơn.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành: Không

e) Hoạt động của các tiểu ban: Không.

2. Ban Kiểm soát.

a) Thành viên Ban Kiểm soát.

Trưởng ban kiểm soát: Ông Phạm Xuân Phong

Ngày tháng năm sinh: 12/10/1964

Địa chỉ thường trú hiện nay: Tổ 14 Phường Quan Hoa Quận Cầu Giấy Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

3/1097 - 12/1990 : Phó phòng kế toán Xí nghiệp Thi công Cơ giới Cầu đường, Công ty Than Uông Bí

1991 - 1993 : Phó phòng Kế toán Mỏ Than Than Thùng, Công ty Than Uông Bí

1994 - 1997 : Phó phòng kế toán Công ty Than Uông Bí

1997 - 1999 : Kế toán trưởng Công ty Liên doanh Xi Măng Hải Long (Tổng Công ty Than Việt Nam góp vốn liên doanh với Tập đoàn Hanjung Hàn Quốc)

2000 - 2003 : Kế toán trưởng Công ty Liên doanh Giày Sơn Long (Tổng Công ty Than Việt Nam góp vốn thành lập Công ty)

2003 - 2004 : Phó Trưởng phòng kế toán Tổng hợp Ban Kế toán Tổng Công ty Than Việt Nam

2004 - 03/2010 : Trưởng phòng kế toán Tổng hợp Ban Kế toán Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

03/2009 đến nay : Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Than Miền Trung - TKV; Trưởng phòng kế toán Tổng hợp Ban Kế toán Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Thành viên ban kiểm soát: Ông Phạm Trường Bộ

Ngày tháng năm sinh: 03/10/1964

Chỗ ở hiện nay: Dương Khuê, P. Mỹ An, Tp. Đà Nẵng

Trình độ chuyên môn: Đại học

Quá trình công tác:

02/1982 - 09/1985 : Chiến sỹ Sư đoàn 2, Quân khu 5

10/1985 - 12/2002 : Cán bộ thị trường thuộc Công ty than Miền Trung

01/2003 - 12/2003 : Trưởng phòng kinh doanh Xí nghiệp than Đà Nẵng

01/2004 - 03/2009: Phó Giám đốc XN than Nam Ngãi thuộc Cty CP than Miền Trung.

03/2009 đến nay : Ủy viên Ban kiểm soát Công ty CP Than Miền Trung - ; Phó Giám đốc XN than Nam Ngãi thuộc

Cty CP than Miền Trung-VINACOMIN.

Thành viên ban kiểm soát: Ông Trương Quang Sơn

Ngày tháng năm sinh: 22/11/1962

Địa chỉ thường trú hiện nay: 04 Nguyễn Lương Bằng, thành phố Huế, Thừa Thiên- Huế

Trình độ chuyên môn: Đại học

Quá trình công tác:

08/1980 - 12/1984 : Chiến sỹ C20, E830, F968.

01/1985 - 12/2003 : Cán bộ Trạm than Huế thuộc Công ty than Miền Trung

01/2004 - 07/2006 : Phó Giám đốc XN than Bình Trị Thiên thuộc Công ty CP than Miền Trung

08/2004 - 03/2009 : Giám đốc XN than Huế thuộc Công ty CP than Miền Trung

03/2009 đến nay :Ủy viên Ban kiểm soát Công ty CP than Miền Trung - TKV, Giám đốc XN than Huế.

v Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Ban kiểm soát:

Số lượng cổ phiếu nắm giữ của thành viên HĐQT thay đổi trong năm như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP nắm giữ		Tỷ lệ sở hữu CP (%)
			31/12/2012	Từ 31/12/2013	
1	Phạm Xuân Phong	Trưởng Ban			
2	Phạm Trường Bộ	Thành viên	6.600	6.600	0,25
3	Trương Quang Sơn	Thành viên	13.800	13.800	0,52

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.

a) Tiền lương của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát Công ty được trả trên Tổng quỹ lương theo đơn giá giao của Tập đoàn Công nghiệp than- Khoáng sản Việt Nam. Năm 2013 quỹ lương được tập đoàn duyệt là 26 764.000.000 đồng. Được trả lương theo quy chế " Quản lý quản lý và Phân phối tiền lương tiền thưởng trong Công ty " bình quân thu nhập toàn Công ty 124.000.000 đồng/ người / năm.

b) Thù lao của các Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát.

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên họp ngày 22/3/2013 về mức phụ cấp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty, Công ty đã tiến hành trả phụ cấp năm 2013 như sau:

Mức phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát bằng (=) hệ số lương cấp bậc 2/2 doanh nghiệp hạng I của các chức danh chuyên trách tương ứng của công ty nhà nước nhân (x) mức lương tối thiểu chung do Chính Phủ quy định tại các thời điểm nhân (x) 30%.

Trong đó: hệ số chuyên trách áp dụng để tính phụ cấp của Chủ tịch HĐQT là 7,30. Ủy viên HĐQT là: 6,31, của Trưởng ban Kiểm soát là 6,31. Ủy viên Ban Kiểm soát là 5,98. Thụ ký Công ty là 5,98.

TT	Chức danh	Số người	Mức phụ cấp năm 2013 cho mỗi người	Số tiền (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	1	28.908.000	28 908 000
2	Ủy viên HĐQT	4	24.987.000	93 985 000
3	T/Ban Kiểm soát	1	24.987.000	24 987 000
4	UV Ban Kiểm soát	2	23.680.000	47 360 000
5	Thụ ký Công ty	1	23.680.000	23 680 000
	Cộng	9		218 920 000

Bằng chữ: Hai trăm mười tám triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng.

(ông **Thái Vinh** hưởng phụ cấp từ tháng 4 /2013)

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.

c) Hợp đồng hoặc các giao dịch với cổ đông nội bộ. Không có.

Năm 2013, các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát không có giao dịch nào với Công ty.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty. Năm 2013, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty, chưa để xảy ra các vi phạm.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN (Kèm theo phụ lục)

1. Ý kiến Kiểm toán độc lập:

-Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP Hồ Chí Minh (Có kèm theo báo cáo trang tiếp theo)

- Các nhận xét đặc biệt: Không có

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP. HCM

Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines),

Fax: (84.8) 39304281

Email: aisc@aisc.com.vn

Website: www.sisc.com.vn

Số: 130530-KT/HĐKT-AISHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị & Ban Giám đốc

Công ty cổ phần than Miền Trung- Vinacomin.

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần than Miền Trung- Vinacomin(sau đây viết tắt là " Công ty") được lập từ ngày 28/2/2014, từ trang 04 đến trang 31 bao gồm: Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bảng Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm toán nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính và không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc số liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên.

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MIỀN TRUNG - VINACOMIN tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày; phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2014

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
& DỊCH VỤ TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ**

MINH

Kiểm toán viên

(đã ký)

(Vũ Khắc Chuyển)

Số CNĐKHNKT: 0160-3013-05-1

Bộ Tài chính Việt Nam cấp

GIÁM ĐỐC

(đã ký)

(Đào Tiến Đạt)

Số CNĐKHNKT: 0078-3013-05-1

Bộ Tài chính Việt Nam cấp

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- SGDCKHN;
- Ban Kiểm soát Cty;
- Lưu HĐQT, VT

CÔNG TY CP THAN MIỀN TRUNG

GIÁM ĐỐC

(Đã Ký)

TRẦN QUANG LAI